TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2018
V/v Ly hôn giữa anh C và chị D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thu Phượng

Bà Đỗ Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Trong ngày 21-6-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 19-4-2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-5-2018; thông báo mở lại phiên toà số 05/2018 ngày 06-6-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986. "Có mặt"

Địa chỉ: Tổ 37 khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thuý D, sinh năm 1989 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên hệ: Chị Trần Thị Hằng H, địa chỉ: Đội 2, thôn L, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-4-2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C kết hôn với chị Trần Thị Thuý D trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu không bị ai ép buộc có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 27-7-2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Tổ 37, Khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đến ngày 30 tháng 10 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không thống nhất được quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Chị D bỏ nhà đi từ tháng 10 năm 2012 đến nay không về. Tôi cũng đã động viên thuyết phục chị D để vợ chồng về đoàn tụ. Chị D hứa hẹn với tôi nhiều lần vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thực hiện. Nay xác định tình cảm vợ chồng với chị D không còn vợ chồng sống ly thân đã lâu không ai còn quan tâm đến ai, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị D.

Về con chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận các văn bản hợp lệ nhưng chị D không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị D và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn là chị Trần Thị Thuý D đã được giao nhận các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn với chị Trần Thị Thuý D tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 27-7-2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm tháng 10 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị D bỏ nhà đi làm ăn vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2012 đến nay không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy chị D đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của người làm vợ làm cho tình trạng hôn nhân của anh C và chị D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho anh C được ly hôn với chị D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Không có,

[4] *Về tài sản chung và các khoản nợ chung:* Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Trần Thị Thuý D

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2013/05859 ngày 19-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *Toà án ND tỉnh Yên Bái;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *UBNDphường H, TP H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hải